Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Email: ubndt@camau.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 27.11.2020 10:41:58 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 370/BC-UBND	*Cà Mau, ngày 25 tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình THTK, CLP năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 của tỉnh như sau:

I. CÔNG TÁC THTK, CLP NĂM 2020

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện Luật THTK, CLP

a) Về ban hành các văn bản triển khai, thực hiện công tác THTK, CLP

Căn cứ Luật THTK, CLP năm 2013, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THTK, CLP, Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 23/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về THTK, CLP năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 về việc ban hành Chương trình của Ủy ban nhân dân tỉnh về THTK, CLP năm 2020; trong đó, đề ra các mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm để triển khai THTK, CLP trên địa bàn tỉnh trong năm 2020; đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị xây dựng chương trình THTK, CLP cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, tiêu chí đánh giá tiết kiệm, chống lãng phí; quy định kết quả THTK, CLP là một trong các tiêu chí để đánh giá công tác thi đua, khen thưởng và bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường, chấn chỉnh công tác quản lý, chấp hành ngân sách nhà nước, sử dụng tài sản công; quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên; quản lý tài sản, tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; quản lý, sử dụng điện; quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động; kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập;... tạo tiền đề quan trọng để đạt được những kết quả về THTK, CLP trong năm 2020.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về THTK, CLP

Thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về THTK, CLP, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn

vị đã triển khai, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và toàn thể nhân dân về THTK, CLP, chủ yếu thông qua lồng ghép vào các hội nghị chuyên đề, tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, in ấn sao gửi các ấn phẩm, thông qua các cuộc họp giao ban, triển khai trên mạng liên thông (Vic),... nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, tạo sự chuyển biến tích cực và thống nhất về tư tưởng, hành động trong THTK, CLP.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra THTK, CLP

Kết quả thanh tra hành chính: Ngành thanh tra đã tiến hành 54 cuộc thanh tra, trong đó, kỳ trước chuyển sang 36 cuộc, trong kỳ 18 cuộc (theo kế hoạch 47 cuộc, đột xuất 07 cuộc), kết thúc thanh tra 32 cuộc và công bố kết luận thanh tra 25 cuộc. Qua thanh tra, phát hiện số tiền sai phạm 4.880 triệu đồng (kiến nghị thu hồi 2.953 triệu đồng; kiến nghị khác 1.927 triệu đồng), đã thu hồi nộp ngân sách nhà nước 932 triệu đồng, xử lý hành chính 14 tổ chức, 77 cá nhân. Bên cạnh đó, thanh tra các sở, ngành đã tiến hành 558 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 9.062 tổ chức, cá nhân; phát hiện 1.194 trường hợp sai phạm, ban hành 366 quyết định, trong đó 341 cá nhân, 25 tổ chức; số tiền xử phạt vi phạm 6.034 triệu đồng. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định về thanh tra được tăng cường; kịp thời ban hành nhiều văn bản đôn đốc, nhắc nhở các đối tượng thực hiện kết luận thanh tra.

2. Kết quả THTK, CLP

a) Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Tiết kiệm trong sử dụng kinh phí thường xuyên theo tinh thần Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện; siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách; bảo đảm chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và đúng theo dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, kết quả đạt được như sau:

- Tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên (ngoài lương, các khoản có tính chất như lương và các khoản chi cho con người theo chế độ), 138.322 triệu đồng (cấp tỉnh 63.624 triệu đồng, cấp huyện 74.698 triệu đồng), tăng 5,2% so với năm 2019 (120.120 triệu đồng).

- Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp theo Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là 59.199 triệu đồng (cấp tỉnh 39.290 triệu đồng, cấp huyện 19.909 triệu đồng).

- Tiết kiệm chi quản lý hành chính như văn phòng phẩm, công tác phí, hội nghị, hội thảo,... 38.721 triệu đồng, tăng 8,2% so với năm 2019 (35.799 triệu đồng); đạt 97% so với kế hoạch năm 2020 (42.271 triệu đồng).

b) Trong đầu tư xây dựng cơ bản

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 của tỉnh được phân bổ kịp thời và đúng nguyên tắc bố trí vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn

bản hướng dẫn thực hiện. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chức năng, các chủ đầu tư khẩn trương triển khai thực hiện; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng nguồn vốn đã được phân bổ trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; tập trung hoàn tạm ứng ngân sách và quyết toán các dự án hoàn thành; qua đó, việc đôn đốc, theo dõi tiến độ thực hiện, cũng như tiến độ giải ngân vốn được các chủ đầu tư quan tâm và tích cực thực hiện.

Kết quả kinh phí tiết kiệm được là 89.525 triệu đồng[1], tăng 47,15% so với cùng kỳ báo cáo năm 2019 (60.840 triệu đồng), bằng 47,46% so với kế hoạch.

c) Trong quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu

Năm 2020, các nguồn vốn chương trình mục tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ trước ngày 31/12/2019; đồng thời, việc phân bổ chi tiết nguồn vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia được Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương để thực hiện; theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phân khai danh mục và kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia vào cuối tháng 02 năm 2020, đảm bảo phù hợp về phạm vi, đối tượng phân bổ vốn; qua đó, tạo điều kiện trong quá trình triển khai thực hiện, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn được giao so với các năm trước. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên tiến độ thực hiện các nguồn vốn nêu trên chưa đúng theo kế hoạch đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đang chỉ đạo các cơ quan, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thực hiện trong những tháng cuối năm, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn trong năm ngân sách[2].

d) Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, tài sản công

- Công tác quản lý tài sản công từng bước đi vào nề nếp, có phần mềm quản lý tài sản thống nhất từ Trung ương đến địa phương đối với 03 loại tài sản có giá trị lớn: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô và tài sản khác có giá trị 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng trụ sở làm việc đúng quy định; thường xuyên duy tu, sửa chữa, cải tạo phù hợp với điều kiện công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và lâu dài; thực hiện phân cấp quản lý đối với các dự án, công trình phúc lợi công cộng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo quản tài sản công cộng; bố trí, quản lý, sử dụng nhà ở công vụ theo đúng chế độ, tiêu chuẩn quy định.

- Về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất và xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư: trên cơ sở kết quả kiểm tra hiện trạng, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, cơ quan chuyên môn đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với 503 cơ sở nhà, đất, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

---

[1] Bao gồm: Tiết kiệm trong thẩm định, phê duyệt dự án, với số tiền 18.190 triệu đồng; tiết kiệm thông qua đấu thầu, chào hàng cạnh tranh, với số tiền 35.559 triệu đồng; tiết kiệm trong quá trình thi công, đầu tư, với số tiền 4.701 triệu đồng; trong công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, với số tiền 31.075 triệu đồng.

[2] Đến ngày 18/11/2020: Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giải ngân đạt 78,9%; chương trình mục tiêu giải ngân đạt 68,2%.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương sử dụng tài sản công mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt 78 đề án làm cơ sở cho các đơn vị cho thuê, liên doanh, liên kết; cơ quan chuyên môn đã kiểm tra, rà soát việc quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết của 08 cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định.

đ) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại; phương tiện, thiết bị làm việc

Việc trang bị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; đảm bảo không có cơ quan, tổ chức, đơn vị nào sử dụng tài sản vượt quá tiêu chuẩn, định mức.

Trong năm 2020, Trung tâm Dịch vụ tài chính công trực thuộc Sở Tài chính đã tiến hành mua sắm tập trung 03 gói thầu với tổng dự toán được duyệt 11.759 triệu đồng, giá trúng thầu 9.575 triệu đồng, tiết kiệm được 2.185 triệu đồng; đồng thời, thực hiện việc quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh, đảm bảo sử dụng tài sản công hiệu quả, đúng mục đích, có sự quản lý tập trung, chuyên nghiệp, đã đạt được kết quả tích cực.

e) Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Về quản lý, khai thác và sử dụng đất đai: Đã cấp 11.684 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với diện tích 10.498 ha; trong đó, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu 1.355 giấy, với diện tích 480 ha. Lũy kế đến nay, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu được 348.854 giấy, với diện tích 458.237,09 ha/476.496 ha đủ điều kiện được cấp, đạt tỷ lệ 96%.

- Về quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản[3]: Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp giấy phép khai thác nước dưới đất cho 16 tổ chức, cá nhân với tổng lưu lượng 21.775m^3/ngày đêm. Đến thời điểm hiện tại, toàn tỉnh có 62/62 đơn vị thuộc đối tượng phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng và vận hành theo quy định. Bên cạnh đó, cơ quan tham mưu đã triển khai nhiệm vụ điều tra ô nhiễm môi trường trong hoạt động nuôi tôm siêu thâm canh trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhằm đánh giá hiện trạng, mức độ ô nhiễm môi trường trong hoạt động nuôi tôm siêu thâm canh để làm cơ sở đề xuất các giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, biển: phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô đang được các chủ rừng thực hiện quyết liệt theo phương châm 4 tại chỗ "chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ"; các giải pháp bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường, đặc biệt là rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng; thực hiện việc đóng cửa rừng tự nhiên; công tác tuần tra, kiểm tra kiểm soát các hoạt động khai thác rừng, biển trái phép được tăng cường.

---

[3] Thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa cấp phép cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh do phần lớn các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh chưa thể khai thác, chỉ khoanh vùng quản lý, bảo vệ tài nguyên theo quy định.

- Về điện gió: Có xét đến 2030 có 27 dự án, đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho tiếp cận, nghiên cứu, lập hồ sơ đề xuất bổ sung dự án vào quy hoạch và triển khai thực hiện đầu tư với tổng công suất dự kiến 5.775 MW tại khu vực bãi bồi ven biển từ đông sang tây trên địa bàn tỉnh, đã có 8 dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng công suất 625MW.

- Điện mặt trời áp mái: Đã có trên 400 tổ chức, cá nhân đầu tư lắp đặt điện mặt trời trên mái nhà với tổng công suất 6.900 Kwp, sử dụng công tơ 2 chiều để hòa lưới điện quốc gia.

g) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả chủ trương tinh giản biên chế của Đảng và Nhà nước, trong năm 2020 đã thực hiện tinh giản biên chế 263 trường hợp.

- Đề án sắp xếp, sáp nhập các cơ quan, đơn vị có chức năng tương đồng; cắt giảm những vị trí trung gian;... Kết quả sáp nhập 25 đơn vị thành 12 đơn vị; giải thể 09 đơn vị; tổ chức lại 15 đơn vị (giảm số lượng phòng làm việc); Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Đề án vị trí việc làm cho 42 cơ quan, đơn vị.

- Việc kiểm tra công vụ được thực hiện thường xuyên, liên tục; từ đó, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt là ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc; thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về không uống rượu, bia trong giờ làm việc, và không uống rượu bia khi lái xe,... được nâng lên đáng kể.

h) Trong quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Việc quản lý, sử dụng các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước[4] được thực hiện theo đúng quy định; bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thường xuyên rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của các Quỹ, qua đó có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng các Quỹ. Nhìn chung, các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước của tỉnh hoạt động hiệu quả, góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện một số mục tiêu kinh tế - xã hội cụ thể trên địa bàn tỉnh; đặc biệt là tạm ứng, cho vay, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.

i) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp

Thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại các doanh nghiệp; kiên quyết xử lý những doanh nghiệp thua lỗ theo quy định; đẩy mạnh ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào trong sản xuất; không ngừng nghiên cứu, xây dựng các giải pháp tiết giảm tối đa chi phí; tăng cường quản lý định mức tiêu hao để hạ giá thành; nâng cao năng suất lao động; thường xuyên phát động các phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, tìm tòi sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh,... từ đó, nâng cao hiệu quả, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Nhờ làm tốt các biện pháp trên trong năm 2020, các doanh nghiệp đã tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh 8.364 triệu đồng, đạt 143% so với cùng kỳ năm 2019.

---

[4] Bao gồm: Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Phát triển đất, Quỹ Bảo vệ môi trường, Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã

3. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- Công tác THTK, CLP luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, theo dõi, giám sát, tổng kết, đánh giá của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự điều hành chủ động, linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội; từ đó, các chủ trương, chính sách và giải pháp THTK, CLP đã được triển khai thực hiện nhất quán từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; qua đó, góp phần nâng cao công tác phòng ngừa, ngăn chặn và đẩy lùi lãng phí.

- Một số giải pháp tăng cường THTK, CLP được triển khai thực hiện mang lại kết quả tích cực như: Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm ngân sách nhà nước ngay từ khâu lập, phân bổ và giao dự toán theo chỉ đạo của Trung ương; tiết kiệm chi quản lý hành chính, mua sắm, sửa chữa tài sản và tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi; việc trang bị và sử dụng tài sản nhà nước đúng với tiêu chuẩn, định mức quy định; đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, năng lực công tác, phù hợp với chức danh, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm cũng như nhiệm vụ trong tình hình mới; ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thi hành công vụ, ý thức chấp hành giờ giấc, thái độ làm việc được cải thiện đáng kể; thực hiện có hiệu quả đề án quản lý xe ô tô công tập trung cấp tỉnh giúp giảm được chi phí, diện tích xây dựng nơi quản lý xe, khai thác tối đa công suất của xe, góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

b) Hạn chế

- Tình hình giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm do phải thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư (phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phát hành hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng,...), lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng... đối với các dự án khởi công mới trong năm 2020; một số dự án vướng mắc trong khâu bồi hoàn, giải phóng mặt bằng; một số chủ đầu tư chưa coi trọng, chưa quyết liệt, triệt để trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác quyết toán dự án hoàn thành, nhất là các dự án được bố trí kế hoạch vốn lớn. Ngoài ra, do tác động của việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tới tiến độ thi công, nghiệm thu, thanh toán của nhiều công trình, dự án; đặc biệt là các công trình, dự án bị tác động kép từ dịch bệnh Covid-19 và hạn hán ở các vùng ngọt hóa thuộc huyện Trần Văn Thời, U Minh, Thới Bình.

- Các cơ sở khai thác nước dưới đất chưa lắp đặt thiết bị đo lưu lượng khai thác, chưa thực hiện công tác quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước sinh hoạt tại các hộ gia đình chưa được kiểm tra, giám sát thường xuyên và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng nước dưới đất cho cơ quan cấp phép đúng theo quy định.

- Vẫn còn tình trạng một số cơ quan, đơn vị chi ngân sách nhà nước không đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định; thanh quyết toán không hợp lý, hợp lệ.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2021

Trên cơ sở kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác THTK, CLP năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021 như sau:

1. Trong công tác quán triệt, tuyên truyền về THTK, CLP

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức trong THTK, CLP bằng nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao, thống nhất nhận thức, trách nhiệm về mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của công tác THTK, CLP đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và toàn xã hội. Nêu cao tinh thần trách nhiệm và vai trò của các cơ quan báo, đài trong công tác tuyên truyền THTK, CLP. Tăng cường giáo dục phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm công vụ; đặc biệt, chú trọng tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai THTK, CLP.

2. Trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, chấp hành tài chính ngân sách. Quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau. Thường xuyên rà soát các chế độ, chính sách để bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ các chính sách không còn phù hợp; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước không đúng quy định, gây thất thoát, lãng phí.

- Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các nguồn vốn sự nghiệp kinh tế như: kinh phí mua sắm, sửa chữa, kinh phí thực hiện các dự án, đề án, chương trình, kế hoạch,... theo dự toán được giao; chủ động rà soát những khó khăn, vướng mắc để xử lý kịp thời theo thẩm quyền, đảm bảo giải ngân hết nguồn vốn đã bố trí trong năm 2021.

- Cắt giảm các khoản chi mua sắm chưa thật sự cần thiết; thực hiện mua sắm tài sản theo đúng tiêu chuẩn định mức và chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Hạn chế mua sắm xe ô tô (trừ xe ô tô chuyên dùng) và trang thiết bị đắt tiền; tiếp tục thực hiện Đề án quản lý xe ô tô công tập trung của các đơn vị cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Cà Mau; sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ.

- Kiểm tra, rà soát tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị nhằm kịp thời phát hiện và chấn chỉnh, có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công không đúng quy định, gây lãng phí, thất thoát. Chỉ đạo các đơn vị có tài sản công sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo đúng quy định Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, lãng phí; trong đó, cần tập trung xử lý dứt điểm các sai phạm và những vấn đề phát sinh sau thanh tra nhằm răn đe, cũng như mang tính hướng dẫn nghiệp vụ

đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tránh xảy ra sai phạm trong quá trình điều hành kinh phí.

- Tiếp tục sắp xếp lại, xử lý nhà đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý các trụ sở.

3. Trong quản lý đầu tư xây dựng

- Đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án, công trình, đặc biệt là những dự án, công trình trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa và đóng góp tăng trưởng chung của tỉnh. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện kế hoạch đầu tư công; bảo đảm tuân thủ đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động đầu tư công.

- Chỉ đạo các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành: Chủ động rà soát, nắm chặt tiến độ thực hiện việc thẩm định dự án, tiết kế cơ sở, thiết kế - dự toán xây dựng, giải ngân và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền; rút ngắn tối đa thời gian giải quyết hồ sơ; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, thiếu sót đối với các phòng, đơn vị chức năng trực thuộc trong thực hiện thủ tục thanh toán, giải ngân vốn đầu tư.

- Yêu cầu chủ đầu tư ban hành kế hoạch giải ngân đối với từng dự án cụ thể, cam kết tiến độ giải ngân của từng dự án, trường hợp giải ngân không đạt tiến độ theo cam kết, xem xét điều chuyển vốn cho dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn hoặc đề xuất cấp thẩm quyền xem xét; xem xét điều chuyển chủ đầu tư dự án theo thẩm quyền.

- Phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân của từng dự án, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Kết quả giải ngân của từng dự án được phân công theo dõi là căn cứ chủ yếu để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2021. Trường hợp không hoàn thành kế hoạch giải ngân theo tiến độ đề ra, kiểm điểm trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, cá nhân liên quan.

4. Trong quản lý, sử dụng kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu theo kế hoạch được phê duyệt; quản lý việc sử dụng vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình mục tiêu theo đúng đối tượng, đảm bảo tiến độ, tiết kiệm, hiệu quả.

5. Trong quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Triển khai quyết liệt các biện pháp quản lý chặt chẽ đất đai, khắc phục tình trạng sử dụng đất không đúng mục đích; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước. Thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định của

pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng. Chủ động ứng phó với tình trạng biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai để bảo vệ người, tài sản của nhân dân. Thực hiện tốt kế hoạch khắc phục ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm, triệt để tình trạng khai thác và phá rừng bất hợp pháp, khai thác khoáng sản trái phép, đặt biệt là khai thác đất mặt trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát tình hình thực hiện các dự án năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường; các dự án sử dụng năng lượng gió, năng lượng mặt trời; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sử dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là các dự án đã có chủ trương đầu tư.

6. Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng, trách nhiệm trong thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, mạnh dạn tinh giản biên chế đối với các trường hợp yếu kém, hạn chế về năng lực, đạo đức ở mọi lứa tuổi; tập trung nâng cao chất lượng xây dựng đề án vị trí việc làm, trong đó cần xác định thật cụ thể nhiệm vụ đảm nhận, yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của từng vị trí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ được giao; xử lý nghiêm các hành vi những nhiễu, tiêu cực, vi phạm pháp luật, sách nhiễu người dân và doanh nghiệp.

7. Trong quản lý các quỹ tài chính ngoài ngân sách

Tiếp tục thực hiện rà soát các quy định hiện hành liên quan đến việc thành lập, hoạt động và quản lý đối với các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước trong đó phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phải được tổng hợp đầy đủ trong dự toán và quyết toán hàng năm của các đơn vị; đánh giá hiệu quả các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước đang hoạt động để có giải pháp nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng các quỹ theo quy định Luật Ngân sách nhà nước và Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại các doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thoái vốn theo lộ trình đối với các doanh nghiệp đã cổ phần hóa; thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện Đề án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của 02 Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp: U Minh Hạ, Ngọc Hiển thành 02 công ty TNHH hai thành viên; thực hiện hiệu quả chương trình, kế hoạch xúc tiến, thu hút đầu tư, nhất là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài và các tập đoàn lớn.

- Thường xuyên theo dõi tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, quản lý tài chính của các doanh nghiệp nhà nước; tập trung kiểm tra, rà soát lại tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước đối với các tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước để quản lý, khai thác hoặc xử lý theo đúng quy định.

- Thực hiện kiểm toán bắt buộc và công khai tài chính trong các doanh nghiệp, phát hiện kịp thời, xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi gây lãng phí vốn, tài sản, lao động, tài nguyên thiên nhiên.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh. Báo cáo này thay thế Báo cáo số 355/BC-UBND ngày 17/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh (*gửi kèm theo Phụ lục số 02*)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP UBND tỉnh (theo dõi);
- Phòng TH (Đa);
- Lưu: VT, KT (M12), Ktr03/11.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

Phụ lục số 02

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 370/BC-UBND ngày 25/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
I	**Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ**							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	44	30	31	70%	103%	
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản	16	11	11	69%	100%	
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	34	37	45	132%	122%	
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	3		2			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng			9			
II	**Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)**							
1	**Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN**							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ (đầu năm 2020)	triệu đồng	120.120	50.353	138.322	115,15%		
1.3	Thực hiện cắt giảm 70% kinh phí hội nghị, công tác trong và ngoài nước (cấp tỉnh: 19.386 triệu đồng, cấp huyện: 4.528 triệu đồng)	triệu đồng			23.914			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
1.4	Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác 6 tháng cuối năm 2020 (cấp tỉnh: 19.904 triệu đồng, cấp huyện: 15.381 triệu đồng)	triệu đồng			35.285			
1.5	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng			5.492			
1.6	Các nội dung khác				4.705			
2	**Sử dụng và thanh quyết toán NSNN**							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:	triệu đồng	35.799	42.271	38.721	108%	97%	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
a	*Tiết kiệm văn phòng phẩm*	*triệu đồng*	*4.767*	*5.638*	*4.944*	*104%*	*88%*	
b	*Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc*	*triệu đồng*	*2.297*	*2.800*	*2.560*	*111%*	*94%*	
c	*Tiết kiệm sử dụng điện*	*triệu đồng*	*4.977*	*6.445*	*5.785*	*116%*	*90%*	
d	*Tiết kiệm xăng, dầu*	*triệu đồng*	*2.475*	*2.802*	*2.652*	*107%*	*97%*	
đ	*Tiết kiệm nước sạch*	*triệu đồng*	*1.385*	*1.393*	*1.531*	*111%*	*110%*	
e	*Tiết kiệm công tác phí*	*triệu đồng*	*8.860*	*10.596*	*8.577*	*97%*	*91%*	
g	*Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo*	*triệu đồng*	*1.445*	*1.595*	*1.574*	*109%*	*97%*	
h	*Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm*	*triệu đồng*	*4.007*	*4.063*	*4.271*	*107%*	*105%*	
i	*Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc*	*triệu đồng*	*5.586*	*6.939*	*6.827*	*122%*	*98%*	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		238	541	109	46%	20%	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	620	163	514	81%	315%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	792	26	28	3,53%	107%	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	*triệu đồng*						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	*triệu đồng*	*390*	*1*				
	Thương thảo hợp đồng	*triệu đồng*	*390*					
	Các nội dung khác	*triệu đồng*	*12*	*26*				
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	3.960	2.462	2.752	70%	112%	
a	*Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia*	*triệu đồng*	*1.000*	*1.011*				
b	*Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ*	*triệu đồng*	*70*	*50*				
c	*Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo*	*triệu đồng*	*15.863*	*22.056*				
d	*Tiết kiệm kinh phí y tế*	*triệu đồng*						
3	**Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ**							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	83	78	78	94%	94%	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
III	**Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước**							
1	**Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)**							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	1.082	958	173	16%	18%	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	1	9	7			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	4	762	1			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	**Tài sản khác**							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	890	884	884	99%	99%	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	**Các nội dung khác**							
IV	**Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng**							
1	**Trong đầu tư xây dựng**							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	188.623	43.437	89.525	47%	206%	Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
a	*- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán*	*triệu đồng*	*129.917*	*9.642*	*18.190*	*16%*	*89%*	
b	*- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...*	*triệu đồng*	*40.941*	*23.488*	*35.559*	*87%*	*151%*	
c	*- Thực hiện đầu tư, thi công*	*triệu đồng*	*10.093*	*4.142*	*4.701*	*47%*	*113%*	
d	*- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*triệu đồng*	*7.672*	*6.165*	*31.075*	*405%*	*504%*	
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
a	*Số lượng*	*dự án*						
b	*Giá trị đầu tư phải thanh toán*	*triệu đồng*						
2	**Trụ sở làm việc**							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m^2	1.385.685	785.871	1.270.102	92%	162%	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m^2	3.400	4.096	2.905	85%	71%	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m^2	2.919	900	1.430	49%	159%	
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m^2						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m^2						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	**Nhà công vụ**							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m^2	5.149	1.626	2.163	42%	133%	
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m^2	5.149	950				
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m^2		36				
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m^2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m^2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	**Các nội dung khác**							
V	**Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên**							
1	**Quản lý, sử dụng đất**							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m^2	127.003		8.051	6,34%		
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m^2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	123		12	9,8%		
1.4	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
2	**Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác**							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ			48			
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng			61			
3	**Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được**							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	**Các nội dung khác**							
VI	**Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước**							
1	**Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động**	vụ						
2	**Số tiền xử lý vi phạm thu được**	triệu đồng						
3	**Các nội dung khác**							
VII	**Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp**							
1	**Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh**		3.441	900	8.364	143%	929%	
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	620	80	850	185%	1063%	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng	606	70	60	9,9%	86%	
a	*Tiết kiệm điện*	Kw/h	0					
b	*Tiết kiệm xăng, dầu*	Tấn (lít)	0					
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	1.911	150	6.914	369%	4609%	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng	250	300	300	120%	100%	
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	200	300	240	150%	80%	
2	**Quản lý đầu tư xây dựng**							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
2.3	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
a	*Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán*	*triệu đồng*	*2.775*	*75*	*3.047*	*110%*	*4.063%*	
b	*Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...*	*triệu đồng*	*12.263*	*10.209*	*10.018*	*82%*	*98%*	
c	*Thực hiện đầu tư, thi công*	*triệu đồng*	*15.038*					
d	*Thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	*triệu đồng*			*5.120*			
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực hiện quý 4/2020)	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm 2019	So sánh với kế hoạch	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
a	*Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật*	*dự án*						
b	*Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật*	*triệu đồng*						
2.5	Các nội dung khác							
3	**Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN**							
	Số tiền tiết kiệm được	*triệu đồng*						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	*triệu đồng*						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	*triệu đồng*						
4	**Mua sắm phương tiện**							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
a	*Số lượng xe đầu kỳ*	*chiếc*		6				
b	*Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)*	*chiếc*						
c	*Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ*	*triệu đồng*						
d	*Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)*	*chiếc*						
e	*Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng*	*triệu đồng*						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
a	*Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ*	chiếc						
b	*Số tiền mua xe trang bị sai chế độ*	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kết quả thực hiện năm 2020 (ước thực	So sánh với năm 2019 và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm	So sánh với kế	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=6/4(%)*	*8=6/5(%)*	*9*
5	**Nợ phải thu khó đòi**							
5.1	Số đầu kỳ	triệu đồng	17.550	11.459	475.705	2.710%	4.151%	
5.2	Số cuối kỳ	triệu đồng	14.662	9.000	474.822	3.238%	5.276%	
6	**Vốn chủ sở hữu**							
6.1	Số đầu năm	triệu đồng	571.200	536.750	571.457	100%	104%	
6.2	Số cuối kỳ	triệu đồng	573.523	538.000	572.327	100%	106%	
VIII	**Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân**							
1	**Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP**	**Lượt hộ**		**57.283**	**56.771**		**99%**	
2	**Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện**	**Vụ**						
IX	**Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**							
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	16	19	20	125%	105%	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc	8	10	17	213%	170%	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	19	11	20	105%	182%	
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	4		4	100%		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	225		487	69%		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	186		544	107%		